

công; tổ chức thực hiện chương trình, đề án KCQG hàng năm theo kế hoạch được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt. Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp 1 trực thuộc Cục CTĐP là đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện triển khai các chương trình, đề án KCQG tại khu vực phía Bắc.

2. Về tổ chức khuyến công địa phương

Đến hết năm 2022, 63/63 Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trên cả nước có đơn vị sự nghiệp trực thuộc (Trung tâm) triển khai thực hiện hoạt động khuyến công. Hệ thống khuyến công trên toàn quốc đã không ngừng được củng cố, trưởng thành, kết nối hoạt động thống nhất từ Trung ương đến địa phương và hoạt động ngày càng hiệu quả.

a) Về cán bộ làm công tác khuyến công

Theo báo cáo của các tỉnh, thành phố, tính đến nay, các Trung tâm thuộc Sở Công Thương thực hiện chức năng, nhiệm vụ về hoạt động khuyến công trên cả nước có tổng số cán bộ, viên chức đang làm việc là 1.254 người, bình quân 20 người/Trung tâm; có 1.144 viên chức, chiếm 91% và 110 lao động hợp đồng, chiếm 9%. Số lao động có trình độ trên đại học là 204 người, chiếm 16%; trình độ đại học, cao đẳng là 977 người, chiếm 78%; trình độ trung, sơ cấp và công nhân kỹ thuật là 73 người, chiếm 6%.

Trong đó, số cán bộ thực tế được giao nhiệm vụ triển khai các hoạt động khuyến công đến cơ sở là 535 người, chiếm khoảng 43% tổng số cán bộ, viên chức đang làm việc tại các Trung tâm trên cả nước, với bình quân 9 người/Trung tâm. Đây chính là lực lượng nòng cốt để triển khai thực hiện hoạt động khuyến công trong những năm qua. Sự phát triển và hoạt động có hiệu quả của hệ thống tổ chức khuyến công đã khẳng định sự đúng đắn của chủ trương phát triển tổ chức dịch vụ khuyến công và hiệu quả hoạt động của hệ thống đáp ứng nhu cầu cấp thiết từ thực tế.

Tuy nhiên, so với yêu cầu nhiệm vụ thì số lượng cán bộ tại các Trung tâm còn thiếu, không đồng đều giữa các địa phương. Trong 63 tỉnh, thành phố: có 03/63 Trung tâm có số cán bộ trên 40 người trở lên³; 06/63 Trung tâm có số cán bộ từ 30-40 người⁴; 48/63 Trung tâm có số cán bộ từ 10-29 người; còn lại 6/63 Trung tâm có số lao động dưới 10 người⁵.

Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp 1 thuộc Cục CTĐP, làm nhiệm vụ xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các đề án KCQG trong khu vực phía Bắc với tổng số cán bộ hiện đang làm việc tại Trung tâm là 40 người.

b) Về tên gọi, nhiệm vụ chủ yếu của các Trung tâm Khuyến công

Theo báo cáo của các địa phương, đến hết năm 2022, các Trung tâm trực thuộc Sở Công Thương ngoài thực hiện nhiệm vụ là triển khai thực hiện các

³ Hà Nội, Ninh Bình, Vĩnh Phúc.

⁴ Hậu Giang, Long An, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Lào Cai, Bắc Ninh.

⁵ Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Kon Tum, Lai Châu, Sơn La.

hoạt động khuyến công theo Nghị định số 45/2012/NĐ-CP và Quyết định số 1881/QĐ-TTg, các Trung tâm thực hiện các hoạt động như: Tư vấn phát triển công nghiệp, chủ yếu là tư vấn đầu tư xây dựng các công trình công nghiệp và năng lượng tại địa phương; các hoạt động về xúc tiến thương mại, tiết kiệm năng lượng, thương mại điện tử, chuyển đổi số;.....Về tên gọi các Trung tâm cụ thể như sau:

- Có 23/63 có tên gọi là Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp và 01 Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp 1.

- Có 02/63 có tên gọi Trung tâm Khuyến công (tỉnh Cà Mau, Lai Châu)

- Có 28/63 có tên gọi là Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại

- Còn lại 10/63 Trung tâm có các tên gọi khác nhau như: Trung tâm Khuyến công và Tư vấn tiết kiệm năng lượng, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến công thương, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công thương... Kinh phí hoạt động của các Trung tâm này chủ yếu do ngân sách Nhà nước cấp và nguồn thu từ hoạt động tư vấn và các hoạt động khác.

Thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, các Trung tâm đã và đang phải thực hiện lộ trình tự chủ về tài chính, tuy nhiên lộ trình và cách phân loại xác định mức độ tự chủ của từng địa phương có khác nhau.

- Có 30/63 Trung tâm đã phải thực hiện tự chủ một phần kinh phí thường xuyên; tỷ lệ tự chủ áp dụng theo lộ trình tăng dần theo từng năm và theo từng giai đoạn.

- Có 33/63 Trung tâm chưa phải thực hiện tự chủ và được Nhà nước đảm bảo 100% ngân sách; tuy nhiên cũng có những lộ trình và quy định cách thức xác định để có quy định mức tự chủ theo từng năm, cụ thể: thực hiện đánh giá, rà soát và xem xét đề xuất phương án thực hiện theo quy định của Nghị định 60/2021/NĐ-CP, trong thời gian đó các Trung tâm thực hiện theo các quyết định quy định trước khi Nghị định 60/2021/NĐ-CP được ban hành.; Quyết định mức kinh phí tự chủ theo từng năm, cách xác định tỷ lệ kinh phí tự chủ của năm hiện tại dựa trên doanh thu/lợi nhuận từ các hoạt động sự nghiệp có thu của năm trước đó (Phú Thọ, Hà Nội); thực hiện theo hướng nhà nước đảm bảo chi 100% cho các viên chức thực hiện các nhiệm vụ về khuyến công (theo vị trí việc làm khi xây dựng đề án thành lập trung tâm) như các tỉnh: Lâm Đồng, Long An.

3. Về hệ thống cộng tác viên khuyến công và các tổ chức dịch vụ khuyến công khác

Đến nay, cả nước có 10 tỉnh⁶ với 122 huyện xây dựng hệ thống mạng lưới cộng tác viên cấp huyện (quận, huyện, thị xã, thành phố) và 641 xã có cộng tác viên cấp xã (xã, phường, thị trấn) ở 7 tỉnh⁷; có tỉnh Bình Định đang triển khai thí điểm mạng lưới cộng tác viên khuyến công cấp huyện. Ở cấp huyện, chủ yếu là

⁶ Quảng Trị, Bình Dương, Tây Ninh, Đồng Nai, Long An, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Thái Bình, Ninh Bình

⁷ Quảng Nam, Bình Dương, Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai, An Giang, Vĩnh Phúc, Thái Bình

cán bộ Phòng Kinh tế/ Kinh tế hạ tầng làm kiêm nhiệm công tác khuyến công. Ở cấp xã, khuyến công viên phần lớn là cán bộ Hội phụ nữ, Hội nông dân, Đoàn thanh niên được bố trí kiêm nhiệm. Tiền thù lao, phụ cấp trả cho đội ngũ khuyến công viên cấp huyện, cấp xã được chi trả từ ngân sách địa phương.

4. Hoạt động phối hợp với các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội và các tổ chức khác để thực hiện hoạt động khuyến công

Ở Trung ương: Bộ Công Thương đã phối hợp với nhiều tổ chức đoàn thể chính trị xã hội như: Liên Minh Hợp tác xã, Hiệp hội Làng nghề Việt Nam...; đồng thời chỉ đạo Cục CTĐP ký kết các hợp đồng thực hiện đề án KCQG với các tổ chức dịch vụ khuyến công trong và ngoài Bộ Công Thương để huy động thêm nguồn lực tham gia và phối hợp triển khai hiệu quả các hoạt động khuyến công...

Ở địa phương: Sở Công Thương các tỉnh, thành phố cũng đã phối hợp với các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tinh đoàn, cơ sở dạy nghề, cơ quan thông tin truyền thông địa phương trên địa bàn... tích cực xây dựng và triển khai các đề án khuyến công đạt hiệu quả cao.

5. Thực hiện một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước khác

5.1 Đối với Bộ Công Thương

- Sau khi Nghị định số 45/2012/NĐ-CP được ban hành, Bộ Công Thương đã tích cực phối hợp với các Bộ, ban, ngành ở Trung ương, UBND các tỉnh, thành phố để tổ chức triển khai thực hiện. Xây dựng hoặc phối hợp các đơn vị có liên quan xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về công tác khuyến công, cho đến nay đã hình thành hệ thống văn bản đầy đủ, đồng bộ và được áp dụng thống nhất trên toàn quốc. Thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương xây dựng cơ chế chính sách, ban hành văn bản quy phạm về công tác khuyến công tại địa phương; hướng dẫn các Sở Công Thương xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý nguồn kinh phí KCĐP; xây dựng chương trình KCĐP từng giai đoạn.

- Bộ Công Thương xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ các Chương trình khuyến công quốc gia từng giai đoạn (giai đoạn 2014 đến năm 2020 và giai đoạn 2021-2025) và hướng dẫn, tổ chức thực hiện các hoạt động theo các Chương trình được phê duyệt.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch ngân sách kinh phí KCQG trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện. Trong giai đoạn 2013-2022, Bộ Công Thương luôn đề cao trách nhiệm trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác khuyến công; thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá và cải tiến phương pháp quản lý, tổ chức thực hiện nhằm sử dụng nguồn kinh phí KCQG đúng mục đích, đúng chế độ và đạt hiệu quả cao.

- Bộ Công Thương đã làm tốt nhiệm vụ là đầu mối, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương kịp thời hướng dẫn, xử lý các khó khăn, vướng mắc và giải

quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị định số 45/2012/NĐ-CP và các vấn đề vướng mắc có liên quan khi thực hiện các hoạt động khuyến công.

- Phối hợp với Sở Công Thương các tỉnh, thành phố và đơn vị có liên quan tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các đề án KCQG và việc quản lý sử dụng kinh phí KCQG (trung bình 20 tỉnh/năm).

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu cơ bản để theo dõi, đánh giá, tổng hợp báo cáo về tình hình hoạt động khuyến công chung của cả nước nhằm đề xuất và đưa ra những giải pháp điều hành thích hợp.

5.2 Đối với Ủy ban nhân dân, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động khuyến công trong phạm vi địa phương thông qua triển khai các nhiệm vụ: Xây dựng, sửa đổi và ban hành chủ trương, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về công tác khuyến công phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện địa phương; Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình KCĐP từng giai đoạn và kế hoạch, đề án khuyến công hàng năm tại địa phương; Bảo đảm nguồn vốn từ ngân sách địa phương để tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công tại địa phương; Phối hợp với Bộ Công Thương trong triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công có sử dụng kinh phí KCQG; đồng thời chỉ đạo chặt chẽ công tác kiểm tra giám sát các hoạt động khuyến công trên địa bàn.

- Sở Công Thương là cơ quan giúp UBND cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công tại địa phương, đã tích cực triển khai các nhiệm vụ, cụ thể:

+ Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để quản lý hoạt động khuyến công trên địa bàn. Triển khai xây dựng và rà soát, bổ sung các quy hoạch phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; xây dựng các đề án phát triển một số ngành nghề có lợi thế, xây dựng, danh mục các ngành nghề ưu tiên, các ngành công nghiệp mũi nhọn của địa phương; phát triển các cụm công nghiệp; các chính sách ưu đãi đầu tư, khuyến khích phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề ở địa phương. Tham mưu cho UBND cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng giải quyết các vấn đề liên quan đến đầu tư, tài chính - tín dụng, khoa học công nghệ, thông tin - thị trường, đất đai, lao động và môi trường phục vụ phát triển CNNT;

+ Sở Công Thương đã phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch KCĐP hàng năm, trình UBND cấp tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện. Đến nay, 100% các tỉnh, thành phố đều bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương để triển khai hoạt động khuyến công tại địa phương. Tổng kinh phí KCĐP trong 10 năm qua là khoảng 1.493 tỷ đồng, chiếm 59% tổng kinh phí khuyến công. Bên cạnh nguồn kinh phí UBND tỉnh cấp hàng năm, nhiều huyện, thị xã của một số tỉnh cũng đã dành nguồn kinh phí từ ngân sách để tổ chức triển khai các hoạt động khuyến công trên địa bàn;

+ Sở Công Thương đã xây dựng đề án trình UBND tỉnh, thành phố thành lập Trung tâm Khuyến công trực thuộc Sở Công Thương; đồng thời đã quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ cho các Trung tâm để thực hiện tốt yêu cầu nhiệm vụ được giao; Thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra nhằm tháo gỡ các khó khăn vướng mắc cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện hoạt động khuyến công trên địa bàn được quan tâm nhằm đảm bảo việc sử dụng kinh phí khuyến công đúng mục đích, có hiệu quả và đạt các mục tiêu đã đề ra.

5.3 Đối với các Bộ ban ngành có liên quan

- Bộ Tài chính:

Sau khi Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ được ban hành và có hiệu lực thi hành, Bộ Tài chính đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tích cực triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao, cụ thể:

+ Tích cực phối hợp với Bộ Công Thương và UBND các tỉnh, thành phố phổ biến, hướng dẫn và tham gia tập huấn về việc lập, quản lý sử dụng kinh phí KCQG và KCĐP;

+ Phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng và ban hành Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí KCQG và kinh phí KCĐP; đến năm 2018, Bộ Tài chính tiếp tục chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng và ban hành Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 thay thế Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương;

+ Đảm bảo kinh phí từ ngân sách nhà nước cho hoạt động khuyến công và tăng dần qua các năm, trung bình khoảng 104 tỷ đồng/năm (riêng năm 2021, do ngân sách ưu tiên tập trung cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid -19 nên ngân sách Trung ương bố trí cho Chương trình khuyến công quốc gia thấp hơn khoảng 30% so với mức trung bình chung của 10 năm).

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2020, do nguồn lực ngân sách trung ương còn hạn chế, nên Bộ Kế hoạch và Đầu tư chưa bố trí được nguồn vốn đầu tư để hỗ trợ cơ sở vật chất và trang thiết bị làm việc cho các Trung tâm khuyến công của các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên đến giai đoạn 2021-2025, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã bố trí vốn ngân sách trung ương đầu tư công trung hạn để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng trụ sở và khu chức năng cho Trung tâm khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp 1.

- Bộ Nội vụ:

Năm 2011, Bộ Nội vụ đã phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng và ban hành Thông tư liên tịch số 16/2011/TTLT-BCT-BNV ngày 05 tháng 4 năm 2011 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp trực thuộc Sở Công

Thương. Sau khi Nghị định 45/2012/NĐ-CP có hiệu lực, chức năng nhiệm vụ quyền hạn cơ cấu tổ chức và biên chế của các Trung tâm Khuyến công cấp tỉnh vẫn được áp dụng theo quy định của Thông tư liên tịch số 16/2011/TTLT-BCT-BNV.

- Một số Bộ, ngành khác:

Một số Bộ, ngành như Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ngân hàng nhà nước Việt Nam... đã chủ động lồng ghép các Chương trình mục tiêu khác để phối hợp thực hiện như Chương trình "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020", Chương trình Khuyến nông quốc gia; Chương trình Phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020; Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số; Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, trong đó có các đối tượng thụ hưởng là các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất công nghiệp trên địa bàn nông thôn, thông qua việc trình Chính phủ ban hành Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010, Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 (thay thế Nghị định số 41/2010/NĐ-CP); Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 sửa đổi bổ sung Nghị định số 55/2015/NĐ-CP...

PHẦN II

KẾT QUẢ 10 NĂM THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH SỐ 45/2012/NĐ-CP

Trong giai đoạn 2013-2022, các hoạt động khuyến công quốc gia và khuyến công địa phương đã được triển khai rộng khắp trên các địa bàn từ đồng bằng đến miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, vùng biên giới hải đảo với đa dạng các nội dung hoạt động khuyến công được quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP, định hướng nội dung mục tiêu được quy định tại Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/8/2014 và Quyết định số 1881/QĐ-TTg ngày 20/11/2020. Nhiều mô hình tiêu biểu, điển hình và cách làm sáng tạo đã được áp dụng triển khai góp phần nâng cao hiệu quả của chính sách đến với các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển sản xuất CNNT và áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.

I. Kết quả thực hiện các nội dung hoạt động khuyến công

1. Về hỗ trợ đào tạo nghề, truyền nghề và nâng cao tay nghề

Công tác đào tạo nghề là một trong những nội dung được nhiều địa phương quan tâm triển khai thực hiện, nhằm đáp ứng nhu cầu lao động có tay nghề cho các cơ sở CNNT. Hoạt động đào tạo nghề, truyền nghề chủ yếu bằng hình thức đào tạo tại chỗ, ngắn hạn (dưới 1 năm) gắn với các cơ sở CNNT. Với lợi thế thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn, các Sở Công Thương đã xây dựng kế hoạch đào tạo nghề theo nhu cầu của doanh nghiệp; đồng thời thực hiện đa dạng hoá các ngành nghề, các chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tế của doanh nghiệp. Lấy mục tiêu đào tạo là trang bị cho lao động các kỹ năng, kỹ thuật phù hợp với thực tế đầu tư trang thiết bị, công nghệ của cơ sở CNNT; đảm bảo lao động sau đào tạo có khả năng tiếp cận làm việc ngay được trên dây chuyền sản xuất của doanh nghiệp. Ngoài ra còn phối hợp với các trường, cơ sở đào tạo nghề để đào tạo công nhân lành nghề cho các doanh nghiệp.

Công tác đào tạo nghề, truyền nghề trong hoạt động khuyến công đã tập trung vào một số ngành, nghề chính là: công nghiệp chế biến nông, lâm, sản; cơ khí gia công sản xuất, sửa chữa máy móc, nông cụ phục vụ nông nghiệp, nông thôn; cơ khí tiêu dùng; sản xuất hàng tiêu dùng hoặc hàng xuất khẩu (như may công nghiệp,...); sản xuất các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp tại các làng nghề truyền thống. Trong đó, ưu tiên kinh phí khuyến công thực hiện các đề án đào tạo nghề cho lao động vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người và lao động sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất do quá trình công nghiệp hoá và đô thị hoá. Đào tạo lao động cho các cơ sở CNNT đầu tư mới, đầu tư mở rộng sản xuất, các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu; đào tạo lao động vào làm việc tại các khu, cụm công nghiệp. Đào tạo nghề nhân, thợ giỏi tiểu thủ công nghiệp để hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề và phát triển nghề ở nông thôn.

Kết quả đã tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề, nâng cao tay nghề cho 113.370 lao động với tỷ lệ có việc làm sau đào tạo đạt trên 90%. Kinh phí thực hiện là 151,6 tỷ đồng, chiếm 6% tổng kinh phí.

2. Về hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở công nghiệp nông thôn

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc nâng cao năng lực quản lý sản xuất nhằm tăng năng suất và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, cơ sở CNNT, Chương trình đã tổ chức các lớp đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, điều hành tại các cơ sở CNNT; đào tạo nâng cao nhận thức và khả năng áp dụng hệ thống quản lý chất lượng HACCP, ISO 22000; áp dụng các công cụ nâng cao năng suất chất lượng như 5s, Kaizen... cho tổng số 67.700 học viên. Các nội dung đào tạo thể hiện sự hỗ trợ, đồng hành theo chiều sâu, tìm ra những vấn đề tồn tại và cùng doanh nghiệp xây dựng kế hoạch cải tiến khắc phục, từ đó nâng cao năng lực doanh nghiệp. Chương trình đã giúp các học viên nâng cao kiến thức qua các nội dung chuyên đề đào tạo, đồng thời củng cố năng lực quản lý nhân lực, kỹ năng lãnh đạo, điều hành hoạt động sản xuất.

Tổ chức được gần 400 đoàn tham quan khảo sát học tập kinh nghiệm khuyến công trong và ngoài nước cho hơn 5.200 lượt chủ các cơ sở CNNT, cán bộ khuyến công, cán bộ quản lý công nghiệp tại các Sở Công Thương, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện. Hoạt động này đã giúp các cơ sở CNNT có cơ hội trao đổi kinh nghiệm quản lý sản xuất kinh doanh, học tập các mô hình tiêu biểu, ký kết thỏa thuận hợp tác; các cán bộ quản lý nhà nước có điều kiện trao đổi về tiềm năng thế mạnh, giao lưu học hỏi kinh nghiệm về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kinh nghiệm về triển khai hoạt động khuyến công. Mỗi năm tổ chức được khoảng 100 hội nghị tập huấn, hội thảo chuyên đề cho hơn 9.000 lượt đại biểu tham gia với các nội dung: Phổ biến cơ chế chính sách về khuyến công; phổ biến kỹ thuật và công nghệ mới; tư vấn, hỗ trợ lập dự án đầu tư, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh giúp các tổ chức và cá nhân khởi sự thành lập doanh nghiệp.

Kinh phí thực hiện là 121,9 tỷ đồng, chiếm 5% tổng kinh phí.

3. Về hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

Đây là chương trình trọng tâm trong hoạt động khuyến công, được nhiều địa phương quan tâm tổ chức thực hiện, nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, đổi mới thiết bị, công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh cho các cơ sở CNNT.

Trong giai đoạn từ năm 2013-2022, chương trình đã hỗ trợ xây dựng 628 mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất sản phẩm mới, công nghệ mới; hỗ trợ cho 8.100 lượt cơ sở CNNT chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (ứng

dụng máy móc tiên tiến); nhằm nâng cao được năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, giảm thiểu ô nhiễm môi trường so với máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ cơ sở sản xuất đang sử dụng hoặc tạo ra sản phẩm mới.

Một số ngành nghề được tập trung hỗ trợ gồm: khuyến khích cơ giới hoá trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm; khuyến khích các cơ sở công nghiệp đầu tư chế biến nông, lâm, thủy sản; sản xuất, gia công, sửa chữa cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn; sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; đầu tư xử lý nước thải, rác thải trong các cụm công nghiệp; xử lý ô nhiễm môi trường của các doanh nghiệp chế biến thực phẩm;... Hoạt động hỗ trợ máy móc, thiết bị hiện đại vào sản xuất, chế biến nhằm hướng tới xây dựng chuỗi liên kết từ thu mua, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, phát triển theo mô hình ứng dụng công nghệ hiện đại, áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất và mang lại giá trị kinh tế cao.

Diễn hình như việc hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, xây dựng mô hình sản xuất sản phẩm theo công nghệ mới trong chế biến hạt điều tại tỉnh Bình Phước góp phần phát triển ngành điều của Việt Nam. Theo các số liệu báo cáo của địa phương, qua khảo sát 40 cơ sở CNNT được hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công năm 2020 - 2021 cho thấy: 87,5% số cơ sở CNNT sau khi được hỗ trợ kinh phí khuyến công đã mở rộng quy mô sản xuất so với năm 2020; 87,5% cơ sở CNNT sau khi được hỗ trợ kinh phí khuyến công, năm 2021 doanh thu tăng hơn so với năm 2020; 50% cơ sở CNNT đánh giá sau khi mở rộng sản xuất kinh doanh số lao động đã tăng qua từng năm, 75% cơ sở CNNT đánh giá về chất lượng nguồn lao động là đáp ứng được yêu cầu công việc, theo đó số lao động tham gia đóng BHXH đã tăng lên theo từng năm; 97,5% cơ sở CNNT đánh giá chất lượng sản phẩm tăng lên sau khi nhận được sự hỗ trợ của Nhà nước về ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và 2,5% cơ sở CNNT đánh giá chất lượng sản phẩm giữ nguyên, không đổi; 90% cơ sở CNNT được hỗ trợ từ chính sách khuyến công đánh giá nộp ngân sách nhà nước tăng so với các năm trước và 97,5% cơ sở CNNT được khảo sát sẵn sàng đóng góp kinh phí để thực hiện các chính sách an sinh xã hội của địa phương trong thời gian tới. Tại Phú Thọ, từ nguồn kinh phí khuyến công đã hỗ trợ Công ty TNHH MTV chè Á Châu Phú Thọ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật chế biến Hồng Trà; theo đó nâng công suất: 2.500 chè/năm; thu hút 80 lao động làm việc tại doanh nghiệp, doanh thu sau khi nhà máy được hoàn thành và đi vào sản xuất ổn định là gần 62 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước: 1.000 triệu đồng/năm.

Các đề án ứng dụng máy móc tiên tiến đã hỗ trợ tích cực cho các cơ sở CNNT nhận chuyển giao kỹ thuật, tiếp cận phương thức quản lý và công nghệ sản xuất mới nhằm nâng cao năng suất lao động, khai thác có hiệu quả ngành nghề phù hợp tại địa phương. Các mô hình qua đánh giá đều là những hình mẫu cho các giải pháp sản xuất khu vực nông thôn, giúp các doanh nghiệp, cơ sở

CNNT ứng dụng được các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; có những mô hình mang tính đại diện cho cả vùng và mang lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội, môi trường, mức doanh thu sau khi được kinh phí KCQG hỗ trợ tăng trung bình khoảng 20% so với mức doanh thu trước khi được hỗ trợ; nhân rộng mô hình cho các đơn vị khác; giải quyết việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững, từng bước tiến tới mục tiêu nâng cao chất lượng, tạo lợi thế cạnh tranh cho các sản phẩm công nghiệp - nông nghiệp nông thôn của mỗi tỉnh.

Kinh phí thực hiện là 1.326 tỷ đồng, chiếm 52,% tổng kinh phí.

4. Về hỗ trợ phát triển sản phẩm CNNT tiêu biểu

Phát triển sản phẩm CNNT tiêu biểu là một nội dung quan trọng trong chính sách khuyến công nhằm phát hiện và tôn vinh các sản phẩm có chất lượng, có giá trị sử dụng cao, có tiềm năng phát triển sản xuất, mở rộng thị trường, đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước, để có kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất và xúc tiến thương mại, góp phần thúc đẩy CNNT phát triển.

Giai đoạn 2013-2022, Bộ Công Thương đã phối hợp với các địa phương tổ chức 28 hội chợ triển lãm hàng CNNT tiêu biểu cấp khu vực; 03 Hội chợ triển lãm hàng CNNT tiêu biểu cấp quốc gia. Quy mô mỗi Hội chợ triển lãm đạt khoảng 350 - 450 gian hàng tiêu chuẩn và trung bình có sự tham gia của khoảng 155-200 doanh nghiệp, cơ sở CNNT.

Về công tác bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu, tính đến hết năm 2022, Bộ Công Thương đã tổ chức được 06 lần bình chọn cấp khu vực và 04 lần bình chọn cấp quốc gia. Kết quả đã bình chọn được 1.630 sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp khu vực và 512 sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp quốc gia. Các sản phẩm được chia theo 4 nhóm gồm: (i) Nhóm sản phẩm thủ công mỹ nghệ; (ii) Nhóm sản phẩm chế biến nông, lâm, thủy sản và đồ uống; (iii) Nhóm sản phẩm thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí; (iv) Nhóm các sản phẩm khác. Công tác bình chọn đã giúp các sản phẩm được cấp giấy chứng nhận có cơ hội được quảng bá sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ, và tham gia vào các nội dung hoạt động khuyến công khác nhằm phát triển thương hiệu sản phẩm.

Trong cả giai đoạn, các địa phương cũng đã tổ chức bình chọn được 4.420 sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp huyện và 5.714 sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh. Đồng thời, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố phối hợp với các sở ngành, huyện, thị tổ chức được gần 1.000 hội chợ triển lãm cấp tỉnh, huyện, với quy mô 150 gian hàng tiêu chuẩn/hội chợ và có sự tham gia của gần 100 cơ sở CNNT/hội chợ. Ngoài ra, đã hỗ trợ được hơn 20.000 lượt cơ sở CNNT tham gia các hội chợ, triển lãm trong nước.

Năm 2016, Chương trình KCQG đã hỗ trợ thành lập 01 phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm hàng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp khu vực phía Bắc có quy mô 170 m² tại tầng 7 - số 655 đường Phạm Văn Đồng - thành phố Hà Nội nhằm kết nối, gặp gỡ trao đổi thông tin chi tiết về sản phẩm, doanh nghiệp có sản phẩm trưng bày với các đối tác trong và ngoài nước có nhu cầu mua hàng hóa; hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn có điều kiện giới thiệu, quảng bá

những sản phẩm tiêu biểu. Các địa phương cũng đã triển khai nội dung hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày các sản phẩm CNNT tiêu biểu tại các địa phương⁸ và đạt hiệu quả cao trong các hoạt động quảng, bá, giới thiệu và xúc tiến thương mại. Ngoài ra, hỗ trợ đầu tư, xây dựng được 210 phòng trưng bày cho các cơ sở CNNT có sản phẩm đạt giải sản phẩm CNNT các cấp.

Đưa các sản phẩm CNNT của Việt Nam vươn tầm ra thế giới là hoạt động xúc tiến thương mại quan trọng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt trong việc mở rộng thị trường xuất khẩu. Từ năm 2014 đến năm 2019, Chương trình KCQG đã hỗ trợ thuê 362 gian hàng cho các cơ sở CNNT tham gia 03 hội chợ tại nước ngoài (Đức, Hồng Kông, Trung Quốc). Đây là các hội chợ chuyên nghiệp được tổ chức thường niên, thu hút lượng lớn khách hàng thương mại trên khắp thế giới tham gia.

Kinh phí thực hiện là 391 tỷ đồng, chiếm 15% tổng kinh phí.

5. Về hỗ trợ tư vấn, trợ giúp các cơ sở CNNT

Hoạt động tư vấn của các chuyên gia cùng các cơ sở CNNT trong các lĩnh vực: Đánh giá toàn diện thực trạng hoạt động của doanh nghiệp, từ đó đưa ra phương án để hoàn thiện và xây dựng quy trình quản lý, tổ chức sản xuất, quản trị doanh nghiệp một cách tốt nhất; tư vấn trình tự thủ tục thành lập doanh nghiệp, chuyển đổi số. Nội dung hoạt động này đã tư vấn trợ giúp cho 455 các cơ sở CNNT trong việc nâng cao nhận thức về sản xuất kinh doanh, đăng ký thành lập doanh nghiệp, thiết kế mẫu mã bao bì sản phẩm, nâng cao năng suất chất lượng, xúc tiến và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm trên môi trường Internet,

Kinh phí thực hiện là hơn 31 tỷ đồng, chiếm gần 2% tổng kinh phí.

6. Về hỗ trợ cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công

Công tác thông tin tuyên truyền được duy trì và ngày càng nâng cao về chất lượng.

Ở Trung ương: Định kỳ hàng tháng xuất bản được 1.200 cuốn Bản tin Khuyến công cung cấp cho các cơ sở CNNT, Trung tâm khuyến công, Sở Công Thương và một số cơ quan quản lý nhà nước có liên quan phản ánh về tình hình thực hiện công tác khuyến công, qua đó góp phần xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp và hiệu quả nhằm thúc đẩy hoạt động CNNT phát triển. Tổ chức thông tin tuyên truyền về hoạt động Khuyến công và CNNT với hàng trăm tin bài và hình ảnh mỗi năm trên các ấn phẩm của Báo Đại biểu Nhân dân, Báo Công Thương, Tạp chí Công Thương, Thông tấn xã Việt Nam, Tạp chí làng nghề Việt Nam,...

Hỗ trợ cho các cơ sở CNNT có sản phẩm được cấp giấy chứng nhận sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp quốc gia xây dựng mới 487 Website/phần mềm ứng dụng giải pháp quản lý sản xuất, truy xuất nguồn gốc sản phẩm cho các cơ sở

⁸ Đồng Nai, Đồng Tháp,.....